

Bản án số: 12/2026/DS-PT

Ngày: 27/3/2026

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** bà Phạm Thị Thu Hằng

**Các Thẩm phán:** bà Hoàng Thị Hòa

Ông Nguyễn Tiến Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** bà Phan Thị Thuỳ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:**  
ông Nguyễn Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án số: 04/2025/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/QĐ-PT ngày 27/02/2026; Giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** bà Lò Phóng M, sinh năm: 1971; địa chỉ: bản H, xã M, tỉnh Điện Biên.

\* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Kim N, Luật sư Công ty Luật TNHH Ngôi Sao Vàng - địa chỉ: số nhà 15, tổ dân phố 4, phường M, tỉnh Điện Biên.

**2. Bị đơn:** bà Thàn Chử M, sinh năm: 1977; địa chỉ: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Hoàng Guàn M; địa chỉ: thôn T, xã S, tỉnh Điện Biên.

3.2. Ông Thàn Quang S và bà Hoàng Quấn Đ; địa chỉ: bản H, xã M, tỉnh Điện Biên.

3.3. Bà Sần Cù S; địa chỉ: bản H, xã M, tỉnh Điện Biên.

3.4. Bà Sần Cù D; địa chỉ: bản H, xã M, tỉnh Điện Biên.

3.5. Chị Lò Hòa C, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn T, xã S, tỉnh Điện Biên.

3.6. Chị Lò Den S, sinh năm 1996; địa chỉ: số 322, Đam Quan C, Duyên H, phường L, tỉnh Lào Cai.

**4. Người phiên dịch:** chị Lò Thiên P, sinh năm: 1997; Nơi cư trú: Tổ 21, phường Đ, tỉnh Điện Biên.

**5. Người kháng cáo:** Bà Thàn Chử M là Bị đơn trong vụ án.

*(Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt: bà N, bà M, chị P; bà Lò Phóng M và các ông/bà Hoàng Guàn M, Hoàng Quân Đ, Sần Cù D, Sần Cù S, Lò Hòa C, Lò Den S vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Trong đơn khởi kiện ngày 12/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Lò Phóng M trình bày:**

Vào năm 1994, vợ chồng ông bà Sần Chử M - Lò Phóng M có mua một mảnh nương khoảng 1 ha của ông bà Lò Xoáng T, bà Sần Cù D tại khu vực bản M, thuộc bản H, xã H (nay thuộc xã M) với giá 450.000 đồng, lúc mua bán hai bên không làm giấy tờ mua bán với nhau và cũng không có người làm chứng, vì là anh em họ hàng với nhau. Ông T và bà D đã nhận đủ số tiền 450.000 đồng tiền mặt và bàn giao ranh giới thửa đất cho ông bà M - M. Vị trí thửa đất: một bên giáp đất nương của ông Lò Seo K, một bên giáp đất nương Sần Phù M và Lò Chử P, một bên giáp đất nương Hoàng Oàng M, một bên giáp đất rừng. Sau khi mua đất nương, ông bà M - M thực hiện canh tác liên tục ổn định không xảy ra tranh chấp với ai.

Năm 2000, ông bà M - M tiếp tục mua thửa đất nương của Hoàng Oàng M liền kề với thửa đất đã mua, diện tích khoảng 1 ha với giá 700.000 đồng. Lúc mua bán hai bên không làm giấy tờ mua bán với nhau và không có ai làm chứng, ông Hoàng Oàng M đã nhận đủ số tiền 700.000 đồng, tiền mặt và đến thửa đất để chỉ ranh giới cho vợ chồng bà M1. Vị trí thửa đất: một bên thửa đất giáp thửa đất của ông bà M - M, một bên giáp đất nương của ông Sần Sặng M, một bên giáp đất của ông Lò Chử P, một bên giáp đất rừng.

Sau khi mua đất nương của ông Hoàng Oàng M, ông bà M - M đã nhập thửa đất mua của ông bà T - D và thửa đất của ông M thành một thửa có diện tích khoảng 2 ha và canh tác liên tục, ổn định không xảy ra tranh chấp với ai.

Năm 2002 - 2003 ông Sần Chử M ốm phải đi viện điều trị, bà M1 phải đi chăm sóc ông M nên không đi làm nương được. Năm 2004, bà M1 đến nương để tiếp tục canh tác thì thấy bà Thàn Chử M vào phát làm nương ở một góc khoảng 600 m<sup>2</sup> giáp đất ông Lò Chử P. Bà M1 không cho bà M2 làm, hai bên xảy ra tranh chấp, lúc đó bố của bà M2 là ông Thàn Quang S làm trưởng bản có đến hòa giải và cho bà Chử Mẫy tiếp tục canh tác, bà M1 không nhất trí nhưng bà M2 cứ cố tình canh tác trên đất tranh chấp; Mỗi năm, bà M2 lại lấn chiếm vào đất nương của nhà bà M1 một ít, hai bên xảy ra tranh chấp từ đó đến nay; UBND xã H đã hoà giải nhưng hai bên không thỏa thuận được với nhau. Bà M1 đã phải dùng hàng rào đá rào tạm để bà M2

không lấn chiếm được vào phần đất của gia đình, chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Diện tích đất bà M2 chiếm giữ có diện tích 2.071,1 m<sup>2</sup>, một bên giáp đất của ông Lò Chở P, một bên giáp đất rừng, 02 bên giáp đất nương của bà M1.

Bà Lò Phóng M yêu cầu Tòa án buộc bà Thành Chử M trả lại diện tích đất đang chiếm giữ cho bà M1.

## **2. Tại văn bản trình bày ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn bà Thành Chử M trình bày:**

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là đất của ông Thành Quảng S và bà Hoàng Quân Đ (là bố mẹ của bà M2) khai hoang, canh tác. Năm 2000, bà M2 chuyển từ bản Ngã Ba, xã Mường Tong, huyện Mường Nhé về sinh sống tại bản H và được bố mẹ cho đất nương để canh tác. Từ năm 2000 đến năm 2003, bà M2 canh tác không tranh chấp với ai, đến năm 2004 bà Lò Phóng M vào tranh chấp thửa đất với bà, trong số diện tích đất 2.071,1 m<sup>2</sup> đất hai bên đang tranh chấp thì bà M2 đã được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 417,6 m<sup>2</sup>. Đối với diện tích còn lại 1.653,5 m<sup>2</sup> bà M2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà M2 không đồng ý đất bà M2 đang sử dụng là của bà M1 và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M1.

## **3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

3.1. Ý kiến của ông Hoàng Oàng M: Ông M sinh ra và lớn lên tại bản H, cho đến năm 1995 thì chuyển về sinh sống tại thôn T, xã S. Vì thời gian đã lâu nên ông M không còn nhớ diện tích đất nương mà bà M1 và bà M2 đang tranh chấp trước đây là đất của ai. Ông M có được bán đất nương, bán nhà tại khu vực bản H cho vợ chồng bà Lò Phóng M nhưng diện tích đất đang tranh chấp không phải là đất ông M bán cho bà M1. Trong giấy xác nhận 02/7/2025 có ghi diện tích đất đang tranh chấp trước đây là đất của ông Thành Quảng S, do ông M không biết chữ, người khác đọc cho ông nghe nên ông ký tên (điểm chỉ) vào giấy. Trong thời gian ông sinh sống tại bản H, vợ chồng ông Thành Quảng S không có đất nương tại khu vực đất đang tranh chấp giữa bà M1 và bà M2, nhưng diện tích đang tranh chấp trước đây do ai canh tác thì ông không còn nhớ.

3.2. Ý kiến của ông Thành Quảng S và bà Hoàng Quân Đ: Ông bà là bố mẹ đẻ của bà Thành Chử M, diện tích đất hai bên đang tranh chấp là đất của ông bà canh tác từ năm 1980 cho đến năm 2000 ông bà cho con gái là Thành Chử M nên thuộc quyền quản lý, sở hữu, sử dụng của bà M2, ông Sàng, bà Đeu không có yêu cầu gì.

3.3. Ý kiến chị Sần Cù S: Diện tích đất bà Thành Chử M tranh chấp với bà Lò Phóng M tại khu vực M, thuộc bản H là đất của bố mẹ chị mua của ông Lò Xoàng Thông; bố chị tên là Sần Chở M hiện đã chết nên diện tích đất này thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của mẹ chị là bà Lò Phóng M, chị không có yêu cầu gì đối với diện tích đất này.

3.4. Ý kiến chị Lò Hòa T và chị Lò Diên S: Diện tích đất hiện giữa bà Lò Phóng M, bà Thành Chử M đang xảy ra tranh chấp là đất của ông Lò Xoàng T và

bà Sần Cù D (bố mẹ chị T, chị S) bán cho vợ chồng bà Lò Phóng M, ông bà T D đã nhận đủ số tiền của bà M1 như hai bên đã thỏa thuận mua bán với nhau, nay diện tích đất đó thuộc quyền quản lý, sở hữu, sử dụng của bà Lò Phóng M, đối với diện tích đất này hiện không liên quan gì đến các chị, các chị không có ý kiến gì, không có yêu cầu gì.

**Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2025 và Sơ đồ thửa đất tranh chấp, xác định:** diện tích đất tranh chấp là 2.071,1 m<sup>2</sup> trong đó bà M2 đã được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 417,6 m<sup>2</sup>, diện tích còn lại là 1.653,5 m<sup>2</sup> chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi Tòa án cùng với các cơ quan chuyên môn đến xem xét thẩm định tại chỗ, bà Lò Phóng M biết 417,6 m<sup>2</sup> đã được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thành Chữ M. Bà M1 cho rằng việc UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thành Chữ M là sai. Tuy nhiên bà M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tích đất 417,6 m<sup>2</sup> bà Thành Chữ M đã được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà M1 nhất trí với kết quả xác định vị trí, đo đạc đối với diện tích đất hai bên đang tranh chấp của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên giải quyết buộc bà Thành Chữ M trả lại diện tích đất nương 1.653,5 m<sup>2</sup> hiện đang chiếm giữ cho bà Lò Phóng M.

Bà M2 nhất trí với việc thẩm định tại chỗ và vẽ sơ đồ đúng hiện trạng đất bà M2 đang sử dụng, bà M2 nhất trí với kết quả xác định vị trí, đo đạc của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ. Bà M2 không đồng ý đất bà M2 đang sử dụng là của bà M1 và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện buộc bà phải trả diện tích đất đang tranh chấp cho bà M1.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên quyết định:**

**Căn cứ:**

- Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 70; 71; 72 các Điều 147; 157; 228; 229, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 4; 10; 11; Điều 14; Điều 100; 101; 125; 126; 129; 131; 166; 170; 179; điểm b khoản 2 Điều 203; 210 Luật đất đai 2013; khoản 47 Điều 3; Điều 27; Điều 235; 236 Luật đất đai năm 2024.

- Các Điều 160; 189; 197; 198; 213; 688 của Bộ luật dân sự;

- Điều 20, 21 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

- Nghị định số: 102/2024, ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai năm 2024

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lò Phóng M.**

- Buộc bị đơn bà Thành Chử M trả cho nguyên đơn bà Lò Phóng M diện tích đất 1653,5 m<sup>2</sup> tại hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực 103<sup>00</sup>”, Múi chiều 3<sup>0</sup> thuộc lô 62, khoảng 4, tiểu khu 468, tại khu vực M, thuộc bản H, xã H, (nay xã M), tỉnh Điện Biên. *(Sơ đồ đất kèm theo).*

Diện tích 145,1m<sup>2</sup> có vị trí tiếp giáp phía bắc, phía tây giáp đất nương của Lò Phóng M (là nguyên đơn) và bà Thành Chử M (là bị đơn); phía đông giáp đất Lò Phóng M; phía nam giáp đất Lò Chờ P.

Diện tích 1.508,4m<sup>2</sup> có các cạnh tiếp giáp: Phía nam, phía đông giáp đất nương của ông Lò Chờ P ; phía tây giáp đất Thành Chử M; phía bắc giáp đất Lò Phóng M.

Tổng diện tích là 1.653,5 m<sup>2</sup>.

Tạm giao 1.653,5 m<sup>2</sup> diện tích đất trên cho bà Lò Phóng M tiếp tục sử dụng; Bà Lò Phóng M được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút đối với diện tích 417,6 m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thành Chử M đối với thửa đất số: 201, tờ bản đồ số: 5 diện tích đất 417,6 m<sup>2</sup> cấp GCNQSDĐ vào ngày 26/4/2024 số vào sổ cấp GCN: CH00069.

**2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:** Buộc bị đơn bà Thành Chử M phải chịu 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*) tiền xem xét thẩm định tại chỗ. Bà Thành Chử M đã nộp 4.000.000 đồng. Buộc bà Thành Chử M trả lại cho bà Lò Phóng M 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền đề nghị thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/10/2025, bị đơn bà Thành Chử M nộp kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của TAND khu vực 4 - Điện Biên. Bà M2 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của TAND khu vực 4 - Điện Biên.

**Trong giai đoạn Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm:** Bà M2 nhiều lần gửi văn bản trình bày ý kiến về việc Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu và đánh giá chứng cứ không khách quan, không tìm hiểu nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất với những người dân sinh sống lâu năm tại bản H; bà M2 cung cấp thông tin bà Sần Cù D vẫn còn sống, cư trú tại bản H, xã M, tỉnh Điện Biên.

Sau khi Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xác minh có đủ cơ sở xác định là bà Sần Cù D hiện vẫn còn sống; Bà Sần Cù D đã có bản tường trình gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm vào ngày 22/01/2026.

**Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:**

Toàn bộ diện tích đất mà Mễ khởi kiện và tranh chấp với bà Thành Chủ M là đất của ông bà Sàng - Đeu (bố mẹ bà M2) cho và là diện tích đất gia đình bà M2 phát cây đại, mở rộng diện tích trồng ngô về phía Tây để thực hiện gieo trồng vào các ô đất xen kẽ các mòm đá. Diện tích đất gia đình bà M2 khai hoang có vị trí tiếp giáp phía Bắc giáp bãi đá hoang, phía Nam giáp rừng, phía Đông giáp đất diện tích bố mẹ bà M2 cho, phía Tây giáp với đất của ông Hoàng Oàng M (sau này bán cho bà Lò Phóng M). Việc gia đình bà M2 khai hoang mở rộng diện tích đất canh tác thì không tranh chấp với ai. Quá trình sử dụng đất nương được bố mẹ cho và diện tích đất khai hoang thêm thì gia đình bà M2 đều trồng ngô 1 năm 1 vụ liên tục từ năm 2000 đến nay, gia đình bà Lò Phóng M chưa canh tác vụ ngô nào và cũng chưa bao giờ khởi kiện bà M2 ra toà trong suốt 25 năm qua.

Mảnh nương được ông bà S - Đ cho thì bà M2 chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quá trình sử dụng không có tranh chấp với gia đình nào. Còn mảnh nương gia đình bà M2 khai hoang thì đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ, chính là thửa số 201; Sở dĩ diện tích trong GCNQSDĐ chỉ ghi là 442,6m<sup>2</sup> vì cán bộ trong quá trình đo đạc cấp GCNQSDĐ không đo hết phần diện tích đất có các mòm đá ở xung quanh thửa đất gia đình bà M2 khai hoang và sử dụng. Thực tế, diện tích đất nhà bà M2 đang canh tác sử dụng là 754,7m<sup>2</sup> được quy hoạch là đất rừng sản xuất như diện tích gia đình bàn giao tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ và thể hiện trong sơ đồ trích lục.

Bà Thành Chủ M khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, hiện nay bà D vẫn còn sống và mới chuyển từ bản H về thôn T, xã S, tỉnh Điện Biên sống cùng con gái. Văn bản trình bày ý kiến của ông M, chị C, chị S là do bà M1 cung cấp nhưng Tòa án không xác minh, kiểm chứng; những người già làng biết rõ nguồn gốc đất được bà M2 chỉ tên nhưng Tòa án không xác minh, tìm hiểu.

Năm 2019, chồng bà M2 là ông Ngải Hai S chết; Sau khi ông S chết thì gia đình chưa họp và cũng chưa phân chia các tài sản đó trên thực tế. Bà M2 và ông S có 04 con, con gái cả là Ngải Sín S (sinh năm 1996) và 03 con trai gồm: Ngải Sín T (sinh năm 2003), Ngải Sín H (sinh năm 2005) và Ngải Khúi S (sinh năm 2011). Hiện nay bà M2 cùng 02 con trai là Ngải Sín T, Ngải Sín H cùng canh tác trên diện tích đất nêu trên nhưng khi giải quyết tranh chấp, Tòa án không hỏi ý kiến các con của bà M2.

Việc Tòa án giao toàn bộ phần đất xung quanh của thửa số 201 cho bà M1 thì bà M2 không có đường vào canh tác đối với 442,6m<sup>2</sup>, việc Tòa án sơ thẩm giao 1.653,5 m<sup>2</sup> đất nương cho bà M1 sử dụng là không phù hợp với quá trình sử dụng đất và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà M2.

Tại bản luận cứ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lò Phóng M trình bày: Vì bà Sần Cù D còn sống, chưa được tham gia tố tụng, việc các con của bà Lò Phóng M, bà Thành Chử M chưa được tham gia tố tụng, trình bày ý kiến đã ảnh hưởng đến việc đánh giá tài liệu chứng cứ; Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh và không đưa những người con của ông Ngải Hai Sấn và bà Thành Chử M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm khoản 6 Điều 68 BLTTDS. Tòa án sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Sần Cù D đã chết nhưng thực tế thì bà Sần Cù D vẫn đang sống là làm mất quyền tham gia tố tụng của bà Dín. Tòa án cấp sơ thẩm cử anh Sĩ Tể L (con rể bà Lò Phóng M) làm người phiên dịch cho bà Lò Phóng M, đồng thời cử anh Ngải Sín T (con rể bà Thành Chử M) làm người phiên dịch cho bà Thành Chử M là vi phạm điểm a khoản 2 Điều 82 BLTTDS, dẫn đến không đảm bảo tính khách quan trong quá trình phiên dịch. Tòa án sơ thẩm chưa tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự, vi phạm Điều 171, khoản 5 Điều 177 BLTTDS và còn các lỗi tố tụng khác. Với những vi phạm nghiêm trọng đã nêu trên đây, căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Bị đơn Thành Chử M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### **[1] Về tố tụng:**

1.1. Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” thuộc thẩm giải quyết của Tòa án khu vực theo khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Thành Chử M gửi đơn kháng cáo và đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên đơn kháng cáo hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án và xem xét nội dung kháng cáo của bà Thành Chử M.

1.2. Trong giai đoạn giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thu thập được Căn cước công dân của chị Lò Hòa C, Lò Den S nên thực hiện điều chỉnh các thông tin cá nhân về tên gọi, nơi cư trú của những người này.

1.3. Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bà M1, ông M, bà Ch, bà S (có văn bản xin xét xử vắng mặt); Các ông/bà Thành Quang S, Hoàng Quân Đ, bà Sần Cù S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296/BLTTDS, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiếp tục xét xử vắng mặt họ.

1.4. Vì có căn cứ khẳng định bà Sần Cù D còn sống nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã triệu tập bà D đến phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại khoản 7, khoản 17 Điều 70/BLTTDS, tuy nhiên bà D không đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không hỏi và làm rõ được về diện tích đất vợ chồng bà D chuyển nhượng cho gia đình bà Lò Phóng M.

[2] **Xét nội dung kháng cáo:** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng:

2.1. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cử anh Sĩ Tế L (con rể bà Lò Phóng M) làm người phiên dịch cho bà Lò Phóng M, đồng thời cử anh Ngải Sín T (con rể bà Thành Chủ M) làm người phiên dịch cho bà Thành Chủ M là vi phạm điểm a khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 52/ BLTTDS.

2.2. Bà Sần Cù D là người bán đất cho bà Lò Phóng M hiện còn sống nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bà M1, không đi xác minh mà xác định bà Sần Cù D đã chết là làm mất quyền tham gia tố tụng của bà D.

2.3. Theo bà M2 khai, từ năm 2000-2019, ông Ngải Hai S và các con của bà M2 cùng canh tác, sử dụng trên diện tích đất bà M2 đang tranh chấp; năm 2019 ông S chết nhưng gia đình cũng chưa phân chia di sản thừa kế, hiện bà M2 và 02 con trai là Ngải Sín T (sinh năm 2003) và Ngải Sín H (sinh năm 2005) đang canh tác, sử dụng.

Theo chị chị Sần Cù S thì diện tích đất bà Thành Chủ M đang tranh chấp với bà M1 tại khu vực M, thuộc bản H là đất của bố mẹ chị mua của ông Lò Xoàng T; bố chị tên là Sần Chở M hiện đã chết.

Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, không hỏi rõ và đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M, ông S vào tham gia tố tụng là xác định thiếu người tham gia tố tụng.

2.4. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự, vi phạm Điều 171, khoản 5 Điều 177 BLTTDS.

2.5. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xác minh, thẩm định tính hợp pháp của văn bản trình bày ý kiến của chị Lò Hòa C, Lò Den S và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình dẫn đến việc xác định tư cách của người tham gia tố tụng, trích thông tin cá nhân và địa chỉ cư trú của những người này thiếu chính

xác; Bên cạnh đó Tòa án buộc bà M2 phải nộp tạm ứng chi phí tố tụng là không đúng quy định.

2.6. Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc đối chiếu, so sánh các tài liệu thu thập trong hồ sơ, chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn để làm căn cứ giải quyết tranh chấp, không xem xét, đánh giá 442,6m<sup>2</sup> đất trong tổng thể 754,7m<sup>2</sup> theo hiện trạng sử dụng đất mà tuyên xử buộc bị đơn bà Thành Chủ M trả cho nguyên đơn bà Lò Phóng M diện tích đất 1653,5 m<sup>2</sup> là vi phạm trình tự thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ, dẫn đến việc giải quyết không khách quan, không đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng để có căn cứ giải quyết nội dung tranh chấp bảo đảm tính khách quan, toàn diện, chính xác; bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần phải bổ sung người tham gia tố tụng, thực hiện thu thập, kiểm tra, đánh giá các tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Thành Chủ M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy, hồ sơ vụ án được chuyển cho Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm:

Yêu cầu kháng cáo của bà Thành Chủ M được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 148/BLTTDS; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà M2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310; khoản 3 Điều 148/BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27/3/2026).

***Nơi nhận:***

- Vụ GDKT II, TAND tối cao;
- TAND Khu vực 4 - Điện Biên;
- VKSND Khu vực 4 - Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Người BVQLHP của ND;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Phạm Thị Thu Hằng**